

Số: **671** /QĐ-CT

Hải Phòng, ngày **02** tháng **4** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực
tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017; Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017; Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017; Quyết định số 2571/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 153/TTr-STN&MT ngày 15/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 579/QĐ-CT ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm quyền

giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP (Cục KSTTHC);
- TTTU; TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBNDTP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 611/QĐ-CT ngày 12 tháng 4 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (67)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực đất đai (11)					
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố	60 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017

3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
4	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
5	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017

6	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
7	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
8	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Lệ phí cấp giấy: 100.000 đồng/giấy - Phí thẩm định hồ sơ: 900.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-

					CP ngày 06/01/2017
9	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	07 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí đăng ký biến động: 50.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
10	Điều chỉnh Quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã ban hành trước ngày 01/7/2004	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
11	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí đăng ký biến động: 50.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.
II. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản (14)					

1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	45 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Diện tích thăm dò <100ha: 4 triệu đồng/giấy phép; Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50000 ha: 10 triệu đồng/giấy phép; Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15 triệu đồng/giấy phép	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016
2	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Diện tích thăm dò <100ha: 4 triệu đồng/giấy phép; Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50000 ha: 10 triệu đồng/giấy phép; Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15 triệu đồng/giấy phép	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012

3	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Diện tích thăm dò <100ha: 4 triệu đồng/giấy phép; Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50000 ha: 10 triệu đồng/giấy phép; Diện tích thăm dò trên 50.000 ha: 15 triệu đồng/giấy phép	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016
4	Phê duyệt trữ lượng trong báo cáo thăm dò khoáng sản	65 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế: Đến dưới 01 tỷ đồng: 10 triệu đồng Trên 01 đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0.5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) Trên 10 đến 20 tỷ đồng: 55 triệu đồng + (0.3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) Trên 20 tỷ	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016; - Thông tư số 22/2009/TT-BTNMT ngày 11/11/2009; - Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007

				đồng: 85 triệu đồng + (0.2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)	
5	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016;
6	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/T T-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; - Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 12/9/2015
7	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/T T-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 02/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016

8	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Thông tư số 191/2016/T T-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 02/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
9	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 02/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
10	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 02/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016
11	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ	45 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 02/2013/NĐ-CP ngày 01/3/2013; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016

12	Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015
13	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình	45 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
14	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
III. Lĩnh vực môi trường (09)					

1	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định: 4.500.000 đồng đối với dự án có tính chất phức tạp, quy mô lớn, thuê chuyên gia cấp trên thẩm định; Phí thẩm định: 4.000.000 đồng đối với các dự án còn lại	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015
2	Thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	25 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015
3	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định: 4.500.000 đồng đối với dự án có tính chất phức tạp, quy mô lớn, thuê chuyên gia cấp trên thẩm định; 4.000.000 đồng đối với các dự án còn lại	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản 2010; - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015

4	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định: 4.500.000 đồng đối với dự án có tính chất phức tạp, quy mô lớn, thuê chuyên gia cấp trên thẩm định; 4.000.000 đồng đối với các dự án còn lại	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015
5	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015
6	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015

7	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015
8	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015
9	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015

IV. Lĩnh vực tài nguyên nước (16)

1	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	45 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014
2	Già hạn, điều chỉnh Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 75.000 đồng/Giấy	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013;

	lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm			phép	- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014;
3	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	35 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014;
4	Gia hạn/điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp giấy phép: 75.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014
5	Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	35 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014

6	Gia hạn/điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2\text{m}^3/\text{giờ}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kW ; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới $100.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014
7	Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với các hoạt động khác	35 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014.
8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm đối với các hoạt	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014

	động khác				
9	Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép: 150.000 đồng/Giấy phép	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014
10	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	21 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép: 100.000 đồng/giấy phép;	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25/10/2006; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014
11	Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	16 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép: 100.000 đồng/giấy phép;	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25/10/2006; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014
12	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	07 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí cấp phép: 100.000 đồng/giấy phép;	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25/10/2006; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014
13	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông	67 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013

	liên tỉnh				
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Thời hạn kiểm tra phương án: 10 ngày làm việc; Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án: 30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015
15	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác nước	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014
16	Tiền cấp quyền khai thác nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép trước ngày Nghị định 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014
V. Lĩnh vực biển và hải đảo (13)					
1	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	45 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Biển Việt Nam năm 2012;

					- Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06/03/2009; - Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013; - Quyết định số 129/2001/QĐ-TTg ngày 29/8/2001;
2	Giao khu vực biển	62 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/ 5/ 2014
3	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	47 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/ 5/ 2014
4	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	37 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/ 5/ 2014
5	Trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển	47 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/ 5/ 2014
6	Thu hồi khu vực biển	35 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/ 5/ 2014
7	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	80 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
8	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	65 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
9	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
10	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	65 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016

11	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.
12	Cho thuê mặt nước biển nuôi thủy sản	31 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Luật Thủy sản; - Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005
13	Gia hạn thời hạn sử dụng mặt nước biển nuôi thủy sản	31 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Tài nguyên, môi trường, biển và hải đảo năm 2015; - Luật Thủy sản; - Nghị định số 27/2005/NĐ-CP ngày 08/3/2005

VI. Lĩnh vực khí tượng thủy văn (04)

1	Cấp Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2016; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
2	Cấp Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với cá nhân	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2016; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
3	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khí tượng-thủy văn năm 2016; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016
4	Cấp lại Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân	05 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Khí tượng thủy văn năm 2016; - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (36)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực bản đồ (01)					
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	Thực hiện ngay sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo quy định tại Thông tư số 49/2013/T-T-BTC ngày 26/4/2013	- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015; - Thông tư số 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013
II. Lĩnh vực đất đai (26)					
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
2	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định hồ sơ: 1.800.000, 0 đ/hồ sơ. Lệ phí: 100.000	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014;

				đồng	- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định hồ sơ: 1.800.000, 0 đ/hồ sơ. Lệ phí: 100.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
4	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định hồ sơ: 1.800.000, 0 đ/hồ sơ. Lệ phí: 100.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
5	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Không quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí : 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Thông tư số 03/2014/TT-

	dựng trong các dự án phát triển nhà ở				BXD ngày 20/02 /2014
7	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Không quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí : 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
8	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tăng diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

9	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	03 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP- BTNMT ngày 23/6/2016
10	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

11	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
12	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
13	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-

	chế thửa đất liền kề				BTC ngày 02/01/2014
14	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	5 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 19/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.
15	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014
16	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí thẩm định: 900.000 đồng/giấy Lệ phí: 100.000 đồng.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014

17	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014.
18	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
19	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;

					- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
20	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí đăng ký thế chấp 80.000 đồng/hồ sơ	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP- BTNMT ngày 23/6/2016
21	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Trong ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí đăng ký thế chấp 60.000 đồng/hồ sơ	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP- BTNMT ngày 23/6/2016
22	Xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí đăng ký thế chấp 20.000 đồng/hồ sơ	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP- BTNMT ngày 23/6/2016.
23	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	Trong ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phí đăng ký thế chấp 70.000 đồng/hồ sơ	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP- BTNMT

					ngày 23/6/2016
24	Cung cấp dữ liệu đất đai	Trong ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014
25	Chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	50.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
26	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Phí thẩm định: 900.000 đồng/giấy - Lệ phí: 100.000 đồng	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
III. Lĩnh vực môi trường (09)					
1	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015

2	Xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015
3	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.	40 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015
4	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	15 ngày làm việc đối với cơ sở không thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại; 30 ngày làm việc đối với cơ sở thuộc đối tượng tự tái sử dụng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015

		dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại			
5	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	15 ngày làm việc đối với cơ sở không thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại; 30 ngày làm việc đối với cơ sở thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

6	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	30 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015
7	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn).	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015
8	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)	10 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015; - Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014; - Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015
9	Xác nhận công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-

		sơ hợp lệ; 30 ngày làm việc trong trường hợp phải lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng			CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 27/2015/TT- BTNMT ngày 29/5/2015
--	--	--	--	--	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (19)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực đất đai (17)					
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	60 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014;
3	Quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013)	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
4	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	20 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	15 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014
6	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014
7	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014
8	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa đất gốc chưa được cấp	30 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-

	Giấy chứng nhận				BTNMT ngày 19/5/2014
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	15 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
10	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	15 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 40.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
11	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017

12	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 29/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017
13	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 100.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014
14	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 40.000 đ/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014

		nhiều người sử dụng đất đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày			
15	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 20.000đ/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
16	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 20.000đ/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014

17	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Lệ phí: 20.000đ/giấy	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014
----	--	---------	---------------------------------	-------------------------	--

II. Lĩnh vực môi trường (01)

1	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	10 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; - Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015
---	---	---------	---------------------------------	-------	--

III. Lĩnh vực biển đảo (01)

1	Thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	45 ngày	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Biển Việt Nam năm 2012; - Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06/03/2009; - Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013; - Quyết định số 129/2001/QĐ-TTg ngày 29/8/2001;
---	---	---------	---------------------------------	-------	---

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (01)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực đất đai (01)					
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	60 ngày	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017